

## TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

**VSIP**

LỄ KHAI TRƯƠNG CÔNG VIÊN  
**LOGISTICS VIETTEL**

*Lạng Sơn, tháng 8/2025*

*Lạng Sơn, tháng 8/2025*





## MỤC LỤC

|                                                                                                                   |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <b>LỜI GIỚI THIỆU</b> .....                                                                                       | 4  |
| <b>CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN 5 NĂM QUA</b> .....                                                   | 6  |
| <b>CHƯƠNG II. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ - ĐỘNG LỰC MỚI TỪ NỘI LỰC VÀ LIÊN KẾT</b> .....                                 | 8  |
| 1. Phát triển kinh tế cửa khẩu: Mũi nhọn tăng trưởng.....                                                         | 8  |
| 2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Phát triển theo chiều sâu.....                                             | 9  |
| 3. Thương mại - dịch vụ - du lịch: Phát triển, phục hồi và tăng trưởng.....                                       | 9  |
| 4. Nông - lâm nghiệp và phát triển nông thôn: Xanh - sạch - đặc sản .....                                         | 11 |
| 5. Hạ tầng - liên kết vùng: Động lực dài hạn .....                                                                | 12 |
| <b>CHƯƠNG III. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG NHÂN DÂN</b> .....                      | 13 |
| 1. Giáo dục - đào tạo: Nâng tầm chất lượng toàn diện .....                                                        | 13 |
| 2. Y tế - chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Hướng đến bao phủ toàn dân.....                                             | 14 |
| 3. Văn hóa - thể thao - thông tin: Bản sắc và hội nhập .....                                                      | 14 |
| 4. An sinh xã hội - xóa nghèo bền vững: Không ai bị bỏ lại phía sau .....                                         | 15 |
| 5. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ..... | 16 |
| <b>CHƯƠNG IV. ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH</b> .....                    | 17 |
| 1. Cải cách hành chính: Hướng đến phục vụ Nhân dân .....                                                          | 17 |
| 2. Môi trường đầu tư - kinh doanh: Năng động và hấp dẫn .....                                                     | 18 |
| <b>CHƯƠNG V. QUỐC PHÒNG - AN NINH - ĐỐI NGOẠI - BIÊN GIỚI VỮNG CHẮC</b> ....                                      | 19 |
| 1. Quốc phòng - An ninh được giữ vững ổn định, nâng cao sức mạnh tổng hợp .....                                   | 19 |
| 2. An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.....                                                     | 20 |
| 3. Công tác quản lý thị trường, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại .....                        | 20 |
| 4. Công tác tiếp công dân, thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo .....                            | 20 |
| 5. Công tác tư pháp và cải cách tư pháp .....                                                                     | 21 |
| 6. Đối ngoại - Hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng và thực chất .....                                               | 21 |
| <b>CHƯƠNG VI. XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO PHÁT TRIỂN</b> .....                   | 21 |
| 1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức .....                                                   | 21 |



|                                                                                                                                 |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị .....                                 | 22        |
| 3. Công tác cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ; củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ..... | 23        |
| 4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng .....                                   | 23        |
| 5. Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân.....                                                   | 24        |
| 6. Công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.....                                                          | 24        |
| 7. Phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng.....                                                                     | 24        |
| 8. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và chính quyền các cấp.....                                                        | 24        |
| 9. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.....                                                        | 25        |
| <b>CHƯƠNG VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 .....</b>                                                                     | <b>25</b> |
| 1. Mục tiêu tổng quát.....                                                                                                      | 25        |
| 2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 .....                                                                                      | 25        |
| 3. Nhiệm vụ trọng tâm .....                                                                                                     | 27        |
| 4. Đột phá phát triển .....                                                                                                     | 28        |
| 5. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu .....                                                                                        | 28        |
| <b>CHƯƠNG VIII. KẾT LUẬN VÀ PHÁT ĐỘNG THI ĐUA .....</b>                                                                         | <b>30</b> |







## LỜI GIỚI THIỆU

Giai đoạn 2020 - 2025 là một chặng đường đầy biến động và thử thách, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0, trí tuệ nhân tạo (AI) tác động sâu sắc đến toàn bộ các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Đất nước ta phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức từ tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó lường, đặc biệt là đại dịch COVID-19, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp. Trong bối cảnh đó, với quyết tâm chính trị cao, sự đoàn kết, đồng lòng của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Lạng Sơn đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kép: vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa phục hồi và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Vượt qua nhiều khó khăn, tỉnh Lạng Sơn đã gặt hái được những thành quả to lớn, toàn diện và khá đồng đều trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế duy trì tăng trưởng tích cực, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, các ngành, lĩnh vực chủ lực được quan tâm phát triển. Hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, cửa khẩu, công nghệ thông tin được đầu tư đồng bộ, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; chất lượng giáo dục, y tế, an sinh xã hội ngày càng được nâng cao; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; quốc phòng - an ninh được củng cố; quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế không ngừng được mở rộng. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tăng cường; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngày càng rõ nét. Những kết quả đó góp phần khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn, sự chủ động, sáng tạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

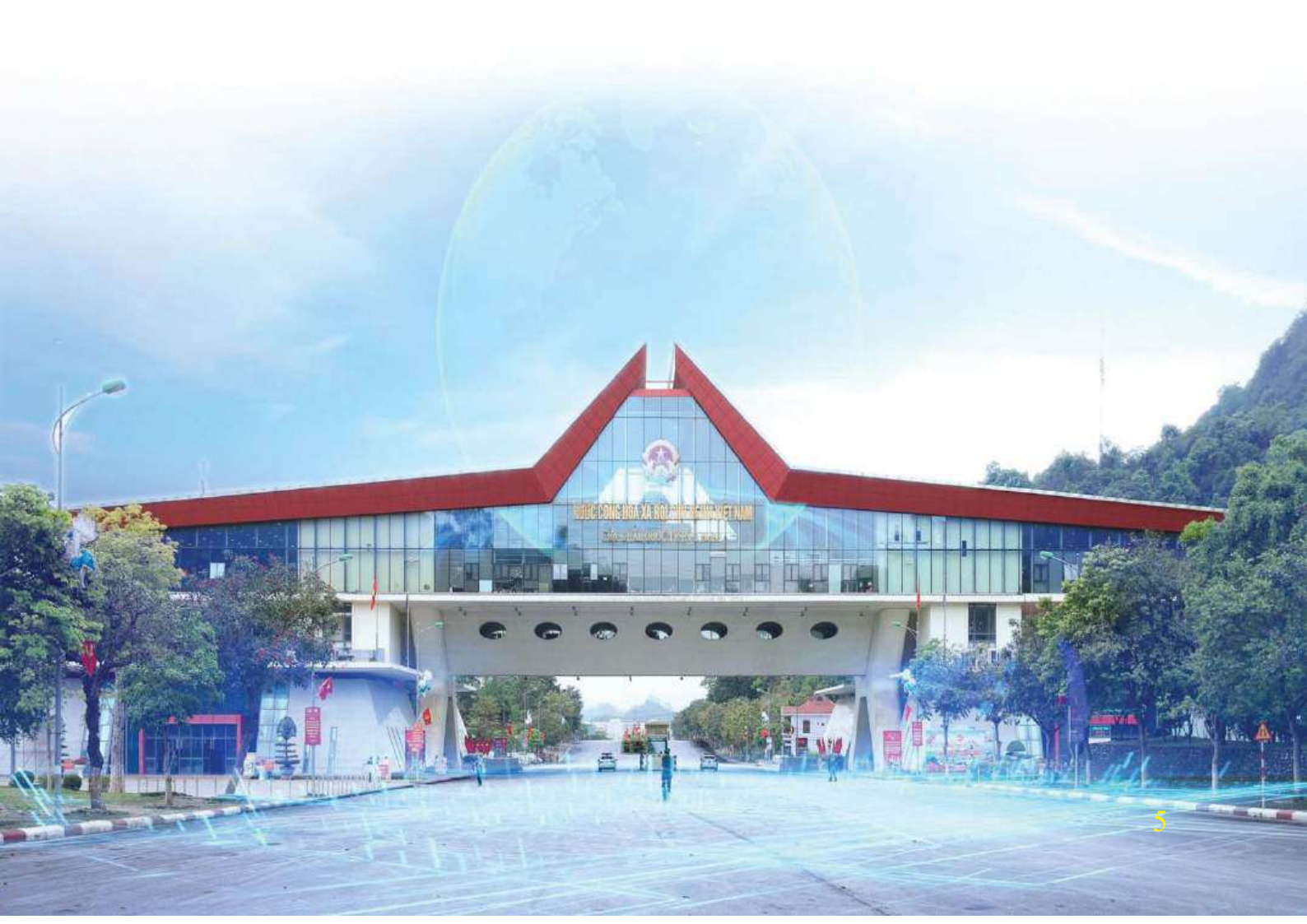
Tỉnh Lạng Sơn bước vào nhiệm kỳ mới với tâm thế mới - tâm thế của một địa phương đang đổi mới mạnh mẽ, đang khẳng định vị thế trung tâm kinh tế cửa khẩu của vùng trung du, miền núi phía Bắc; là một trong những địa phương đi đầu trong chuyển đổi số; có hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện, có nền tảng chính trị - xã hội ổn định, có nguồn nhân lực chất lượng đang từng bước được nâng cao và đặc biệt là có một khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh.



Tài liệu tuyên truyền được biên soạn nhằm khái quát những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2025, tuyên truyền sâu rộng về mục tiêu, định hướng phát triển đến năm 2030. Qua đó, lan tỏa tinh thần đổi mới, truyền cảm hứng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền và triển vọng phát triển của tỉnh nhà.

Tài liệu cũng là căn cứ để các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần trách nhiệm, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực và khát vọng phát triển quê hương giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy trân trọng giới thiệu “TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025” và mong muốn nhận được sự quan tâm, phối hợp triển khai hiệu quả từ các cấp, các ngành và toàn thể Nhân dân trong và ngoài tỉnh.





## CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN 5 NĂM QUA

Giai đoạn 2020 - 2025 diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi khi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh được triển khai trong điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội ổn định. Các chính sách phát triển được hoàn thiện đồng bộ, nhiều chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước đã được cụ thể hóa thành cơ chế hỗ trợ thiết thực. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh cùng nguồn nhân lực ngày càng được chuẩn hóa. Tuy nhiên, tỉnh cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ bối cảnh quốc tế phức tạp với đại dịch COVID-19 kéo dài, cạnh tranh địa chính trị gay gắt và tác động mạnh mẽ của cách mạng công nghiệp 4.0. Quy mô nền kinh tế tỉnh còn nhỏ, năng lực cạnh tranh hạn chế, nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, trong khi yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực ngày càng cao. Trong bối cảnh đó, tỉnh Lạng Sơn vẫn duy trì được đà tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng - an ninh được bảo đảm, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao.

Trong 5 năm qua, tỉnh đã thực hiện đạt và vượt 18/20 chỉ tiêu chủ yếu; nhiều chỉ số kinh tế tăng trưởng vượt mức bình quân quốc gia; chất lượng giáo dục, y tế, an sinh xã hội được đầu tư và cải thiện rõ rệt.

### Những điểm nổi bật:

- **GRDP bình quân đầu người** tăng từ 44,2 triệu đồng (2020) lên 71,1 triệu đồng (2025), tương đương tăng từ 1.917 USD lên 2.900 USD.
- **Cơ cấu kinh tế** chuyển dịch tích cực: năm 2025, tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp chiếm 20,51% (giảm 2,74% so với năm 2020), công nghiệp - xây dựng 28,06% (tăng 6,17%), dịch vụ 47,22% (giảm 2,98%), thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,21% (giảm 0,46%).
- **Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm** ước đạt 7,1%.
- **Kinh tế cửa khẩu** tập trung phát triển nhanh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.
- **Ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp** có những chuyển biến rõ nét.
- **Hạ tầng giao thông, đô thị, công nghiệp** được quan tâm đầu tư lớn.
- **Tổng thu ngân sách 5 năm** đạt 48.187 tỷ đồng (tăng 50,2% so với giai đoạn trước).
- **Công tác đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh** được thúc đẩy mạnh mẽ: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng **33 bậc**; doanh nghiệp, hợp tác xã mới liên tục gia tăng. Thành lập mới **3.334 doanh nghiệp** tăng **1.496 doanh nghiệp** so với nhiệm kỳ trước; hết năm 2025 toàn tỉnh có khoảng **5.700 doanh nghiệp**, gấp 1,8 lần so với năm 2020.





- **Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số** tiến bộ mạnh mẽ, xếp hạng nhóm đầu cả nước.
- **Giáo dục đào tạo** đạt nhiều kết quả tích cực, với **317 trường** đạt chuẩn quốc gia.
- **Y tế** được đầu tư, chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao.
- **An sinh xã hội** được quan tâm thực hiện, đến hết tháng 8/2025 đã xóa xong toàn bộ **6.508 nhà tạm, nhà dột nát**.
- **An ninh biên giới** được giữ vững, hoạt động quốc phòng - an ninh, ngoại giao được triển khai toàn diện, đảm bảo ổn định và đồng thuận trong xã hội.
- **Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị** được tăng cường, đạt nhiều kết quả tích cực. Khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố vững chắc, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

### Những điểm nổi bật về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn 2020–2025





## CHƯƠNG II. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ - ĐỘNG LỰC MỚI TỪ NỘI LỰC VÀ LIÊN KẾT

Lạng Sơn đã ghi dấu nhiều dấu mốc ấn tượng trong phát triển kinh tế giai đoạn 2020 - 2025. Toàn tỉnh tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, tăng cường kết nối vùng, huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,1%, cao hơn mức trung bình cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch hướng tới công nghiệp và dịch vụ, tạo động lực phát triển bền vững.

### 1. Phát triển kinh tế cửa khẩu: Mũi nhọn tăng trưởng

#### LẠNG SƠN TIẾP TỤC KHAI THÁC THẾ MẠNH KINH TẾ CỬA KHẨU



**234,58 tỷ USD**

Kim ngạch xuất nhập khẩu  
qua địa bàn



**780 triệu USD**

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa  
địa phương



**2.800 - 3.000**

Doanh nghiệp và tổ chức kinh tế tham gia  
xuất nhập khẩu qua địa bàn hằng năm



**Trên 10.000 tỷ đồng**

Phân bổ từ vốn đầu tư công cho khu vực cửa khẩu, tăng  
hơn 6.000 tỷ đồng so với giai đoạn trước



#### PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CỬA KHẨU



Nâng cấp Quốc lộ 4B, tuyến  
đường kết nối các cửa khẩu



**LOGISTICS**

Hiện đại hóa hệ thống hạ  
tầng logistics, kho bãi, kiểm  
dịch



Cửa khẩu quốc tế Hữu  
Nghị là cửa khẩu thông  
minh đầu tiên của cả  
nước







Lạng Sơn tiếp tục khai thác thế mạnh kinh tế cửa khẩu. Trong giai đoạn 2021 - 2025, kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn đạt **234,58 tỷ USD**, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa địa phương ước đạt **780 triệu USD**, tăng bình quân 8,81%/năm. Hằng năm có từ **2.800 - 3.000 doanh nghiệp** và tổ chức kinh tế tham gia xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh.

Tỉnh đã phân bổ trên **10.000 tỷ đồng** từ vốn đầu tư công cho khu vực cửa khẩu, tăng hơn 6.000 tỷ đồng so với giai đoạn trước. Hàng loạt các dự án hạ tầng cửa khẩu được đầu tư đồng bộ: nâng cấp quốc lộ 4B, tuyến đường kết nối các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu song phương; hiện đại hóa hệ thống hạ tầng logistics, kho bãi, kiểm dịch. Thủ tục hành chính từng bước được đơn giản hóa, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành hoạt động xuất nhập khẩu đã tạo sự công khai, minh bạch, giảm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp. Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị được lựa chọn là cửa khẩu đầu tiên của cả nước triển khai thí điểm xây dựng **cửa khẩu thông minh**.

## **2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Phát triển theo chiều sâu**

Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng qua các năm, dự ước năm 2025 **tăng 6,15%**. Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp chủ yếu từ các doanh nghiệp sản xuất lớn như Nhà máy xi măng Đồng Bành, Công ty Nhiệt điện Na Dương, Công ty Than Na Dương, và các nhà máy thủy điện, cơ sở sản xuất và chế biến gỗ, nhựa thông. Đã hình thành một số năng lực sản xuất mới tại các huyện Hữu Lũng, Lộc Bình, Đình Lập. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư khảo sát, lập đề xuất các dự án điện gió, điện sinh khối. Công tác quy hoạch và thành lập các khu, cụm công nghiệp được quan tâm, tạo nền tảng phát triển công nghiệp quy mô, đồng bộ. Trong nhiệm kỳ đã thành lập **01 khu công nghiệp và 09 cụm công nghiệp** quan trọng như: dự án Khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn, các cụm công nghiệp: Đình Lập, Hồ Sơn 1, Hòa Sơn 1, Bắc Sơn 2... Lũy kế toàn tỉnh có 02 khu và 10 cụm công nghiệp.

## **3. Thương mại - dịch vụ - du lịch: Phát triển, phục hồi và tăng trưởng**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân hàng năm **tăng 15,87%**. Hoạt động logistics, thương mại điện tử phát triển mạnh. Mạng lưới bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, chuyển phát kịp thời, chất lượng ổn định, doanh thu bưu chính năm 2025 ước đạt **210 tỷ đồng**, doanh thu viễn thông **970 tỷ đồng**. Hệ thống ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả; tổng huy động vốn các ngân hàng thương mại năm 2025 ước đạt **55.300 tỷ đồng**, tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 12,1%; tổng dư nợ trên địa bàn đạt 49.980 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 8,3%; tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 2%.



## THÀNH TỰU DU LỊCH

### PHỤC HỒI VÀ TĂNG TRƯỞNG



Lượng khách năm 2025 (ước tính)

**4,4 triệu lượt khách**



Doanh thu năm 2025 (ước tính)

**4.500 tỷ đồng**



### CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH



Số điểm du lịch cấp tỉnh:

**54**



Số cơ sở lưu trú du lịch:

**303**



Số buồng đạt chuẩn 3-5 sao:

**420**

### THU HÚT ĐẦU TƯ

Lạng Sơn đã thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn quan tâm nghiên cứu đầu tư



### CÔNG NHẬN QUỐC TẾ

Công viên địa chất Lạng Sơn được công nhận là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO, mở ra cơ hội lớn để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế



Du lịch phục hồi và tăng trưởng, Lượng khách và tổng doanh thu từ khách du lịch tăng đều qua các năm, năm 2025 ước đạt **4.400 nghìn lượt** khách, bình quân hàng năm tăng 32,8%, doanh thu **đạt 4.500 tỷ đồng**, tăng 47,7%. Toàn tỉnh có **54 điểm du lịch cấp tỉnh**; có **303 cơ sở lưu trú du lịch** với khoảng trên 4.140 buồng lưu trú, trong đó có **420 buồng đạt tiêu chuẩn xếp hạng từ 3 - 5 sao**. Lạng Sơn đã thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn quan tâm nghiên cứu đầu tư như Tập đoàn VinGroup, SunGroup, Apec, TNG Holdings Việt Nam. **Công viên địa chất Lạng Sơn được công nhận là Công viên địa chất toàn cầu UNESCO**, mở ra cơ hội lớn để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.





## 4. Nông - lâm nghiệp và phát triển nông thôn: Xanh - sạch - đặc sản

### Thành tựu Nông nghiệp



#### Sản lượng Lương thực

Sản lượng lương thực hàng năm đạt trên 305 nghìn tấn, đảm bảo an ninh lương thực.



#### Vùng Trồng Đặc sản

Hơn 6.700 ha được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn chất lượng khác.



#### Trồng Rừng

Diện tích trồng rừng hàng năm đạt 9.468 ha, tăng độ che phủ rừng.



#### Nước Hợp vệ sinh

Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%.



#### Sản phẩm OCOP

Toàn tỉnh có 231 sản phẩm OCOP từ 03 sao trở lên.



#### Chuỗi Liên kết

Đã xây dựng và hình thành 25 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.



#### Vùng Trồng được Cấp mã số

Có 229 vùng trồng được cấp mã số, với diện tích 1.275,1 ha.



#### Xã Nông thôn mới

Toàn tỉnh có 106/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới.



Sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh phát triển khá toàn diện. Sản lượng lương thực hằng năm đạt trên **305 nghìn tấn**, an ninh lương thực được đảm bảo. Các vùng trồng tập trung sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh với hơn **6.700 ha** được chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn chất lượng khác. Diện tích trồng rừng hằng năm đạt **9.468 ha**, tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 ước đạt **64,5%**, tăng 1,5% so với năm 2020. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2025 đạt **99%**, tăng 3,9% so với năm 2020; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn đạt 60%, tăng 1,9%.

Toàn tỉnh có **231 sản phẩm OCOP** từ 03 sao trở lên (trong đó: 21 sản phẩm 04 sao; 210 sản phẩm 03 sao). Đã xây dựng và hình thành **25 chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm**. Có **229 vùng trồng được cấp mã số**, với diện tích 1.275,1 ha. Phong trào xây dựng nông thôn mới được triển khai rộng khắp, đạt kết quả tích cực. Toàn tỉnh có **106/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới**, **28/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao** và **10/175 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**; đạt chuẩn bình quân **15,21 tiêu chí/xã**, tăng **2,31 tiêu chí/xã** so với năm 2020.

#### 5. Hạ tầng - liên kết vùng: Động lực dài hạn

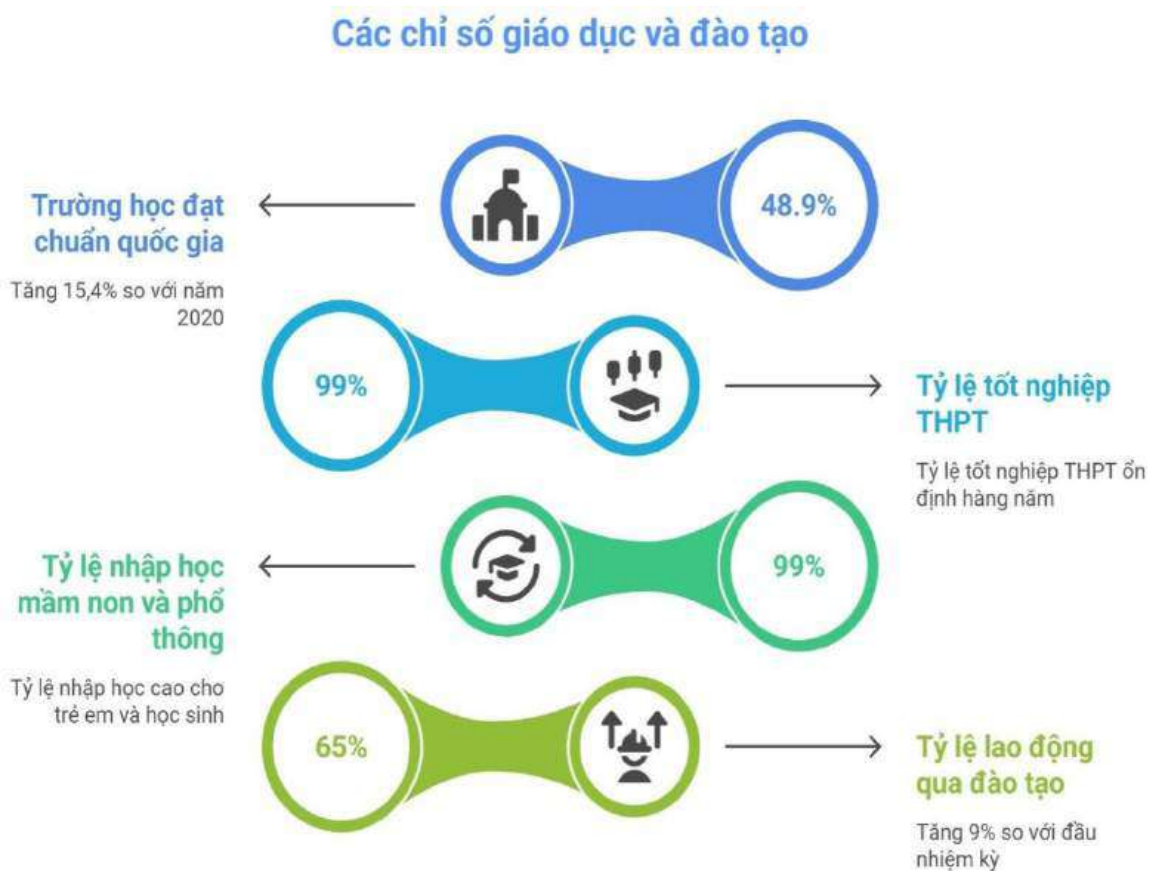
Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt **181,7 nghìn tỷ đồng**. Đã hoàn thành cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, khởi công tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng), cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B (đoạn Km3+700-Km18), nâng cấp Quốc lộ 4B đoạn Km18-Km80. Hoàn thành và đưa vào phát điện 03 nhà máy thủy điện. Ước hết năm 2025, **100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông**, tăng 12,7% so với năm 2020, **tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 91%**, tăng 26%. Hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư, quy mô và chất lượng hạ tầng đô thị tăng lên, toàn tỉnh có tổng số **15 đô thị**, trong đó: 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại IV và 13 đô thị loại V.



### CHƯƠNG III. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG NHÂN DÂN

Trong 5 năm qua, tỉnh Lạng Sơn đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, lấy con người làm trung tâm, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Nhiều lĩnh vực trọng yếu như giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông và an sinh xã hội đã đạt được bước tiến rõ nét, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân.

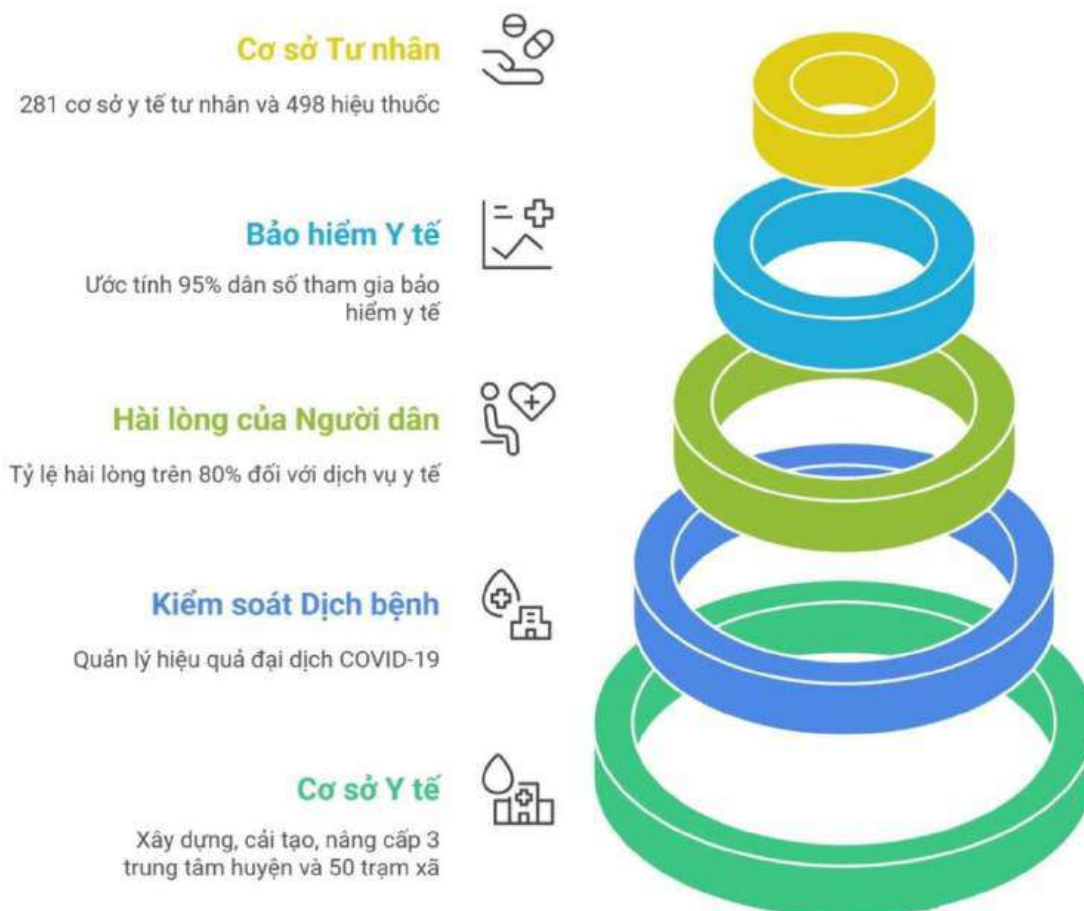
#### 1. Giáo dục - đào tạo: Nâng tầm chất lượng toàn diện



Toàn tỉnh toàn tỉnh có **317 trường học đạt chuẩn quốc gia**, chiếm **48,9%**, tăng 15,4% so với năm 2020. Quy mô, mạng lưới trường, lớp được sắp xếp hợp lý, giảm **45 trường, 125 điểm trường** so với đầu nhiệm kỳ. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT được duy trì ổn định trên **99% mỗi năm**. Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn đều được nâng cao, học sinh giỏi quốc gia tăng về số lượng và chất lượng (**tăng 54 giải** so với giai đoạn 2015 - 2020). Tỷ lệ huy động trẻ mầm non ra lớp và học sinh phổ thông tới trường được duy trì **trên 99%**. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, huy động **167 tỷ đồng** và hơn **155 tấn gạo** hỗ trợ học sinh khó khăn. Đã đào tạo cho trên **90 nghìn lao động**, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt **65%**, **tăng 9%** so với đầu nhiệm kỳ.

## 2. Y tế - chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Hướng đến bao phủ toàn dân

### Thành tựu Y tế



Tỉnh đã hoàn thiện hệ thống y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở; Hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp 03 trung tâm y tế tuyến huyện và 50 trạm y tế tuyến xã theo chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là đại dịch COVID-19, được kiểm soát hiệu quả. Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế hằng năm đạt trên 80%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt **95%**. Có **281 cơ sở hành nghề y tư nhân** và **498 cơ sở kinh doanh dược**.

### 3. Văn hóa - thể thao - thông tin: Bản sắc và hội nhập

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm, với nhiều lễ hội truyền thống, di tích lịch sử được gìn giữ, tôn tạo. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” lan tỏa mạnh mẽ. Các thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở được đầu tư. Tỷ lệ người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt **37,6%** dân số của tỉnh. Thể thao thành tích cao đạt nhiều thành tích nổi bật (01 HCV, 03 HCD Wushu SEA Games; 01 HCD Wushu châu Á; 01 HCB, 01 HCD Cử tạ trẻ châu Á; 01 HCV Điền kinh trẻ Đông Nam Á).





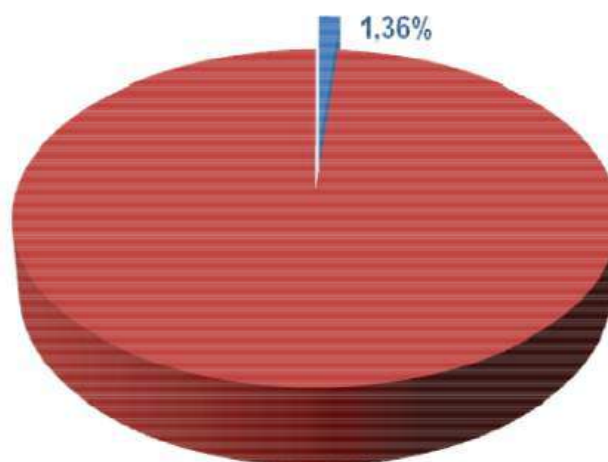
## Thành tích thể thao nổi bật



### 4. An sinh xã hội - xóa nghèo bền vững: Không ai bị bỏ lại phía sau

Trong nhiệm kỳ đã có **47/88 xã** và **315/644 thôn** thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn, đạt mục tiêu Trung ương giao. Đã giải quyết việc làm mới cho **85,1 nghìn lao động**. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế tăng 2,1% so với đầu nhiệm kỳ, tỷ lệ người lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi đạt khoảng 45%. Các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và giảm nghèo bền vững được triển khai hiệu quả, đã bố trí, giải ngân **5.428 tỷ đồng**. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm giảm 2,95%, ước hết năm 2025 toàn tỉnh còn **1,36% hộ nghèo**.

Tỷ lệ hộ nghèo năm 2025



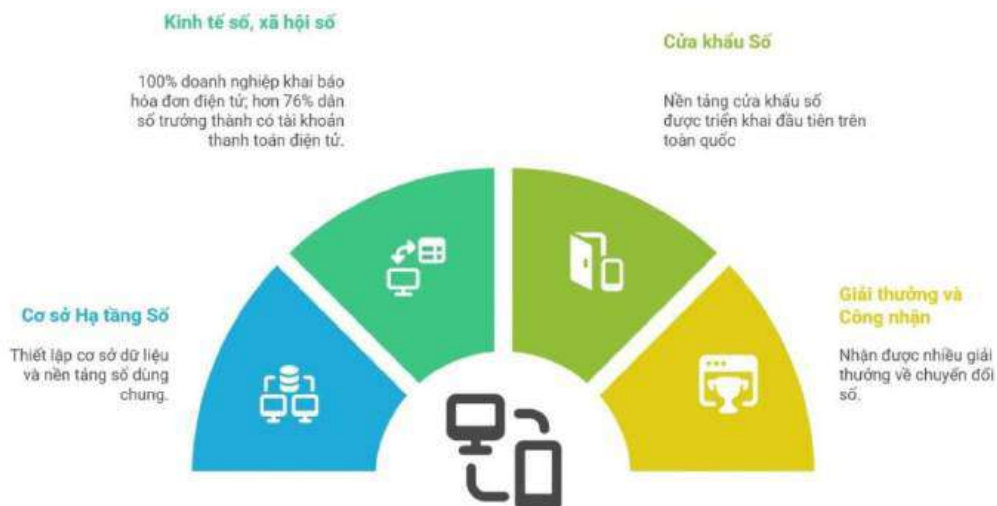
## 5. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

### Thúc đẩy đổi mới Khoa học và Công nghệ



Đảm bảo tiến độ **04 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia** và **109 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cấp tỉnh**. Đã hỗ trợ đăng ký tài sản trí tuệ cho **44 sản phẩm đặc sản** của địa phương. Tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (**146 dự án dự thi, 38 dự án/ý tưởng đạt giải cấp tỉnh**), Hội thi sáng tạo kỹ thuật (**47 giải pháp tham dự cấp tỉnh, 15 giải cấp tỉnh, 02 giải khuyến khích cấp toàn quốc**), Cuộc thi sáng tạo kỹ thuật học sinh (**408 sản phẩm/mô hình, 73 giải cấp tỉnh, 01 giải khuyến khích cấp quốc gia**).

### Thành tựu chuyển đổi số của tỉnh Lạng Sơn







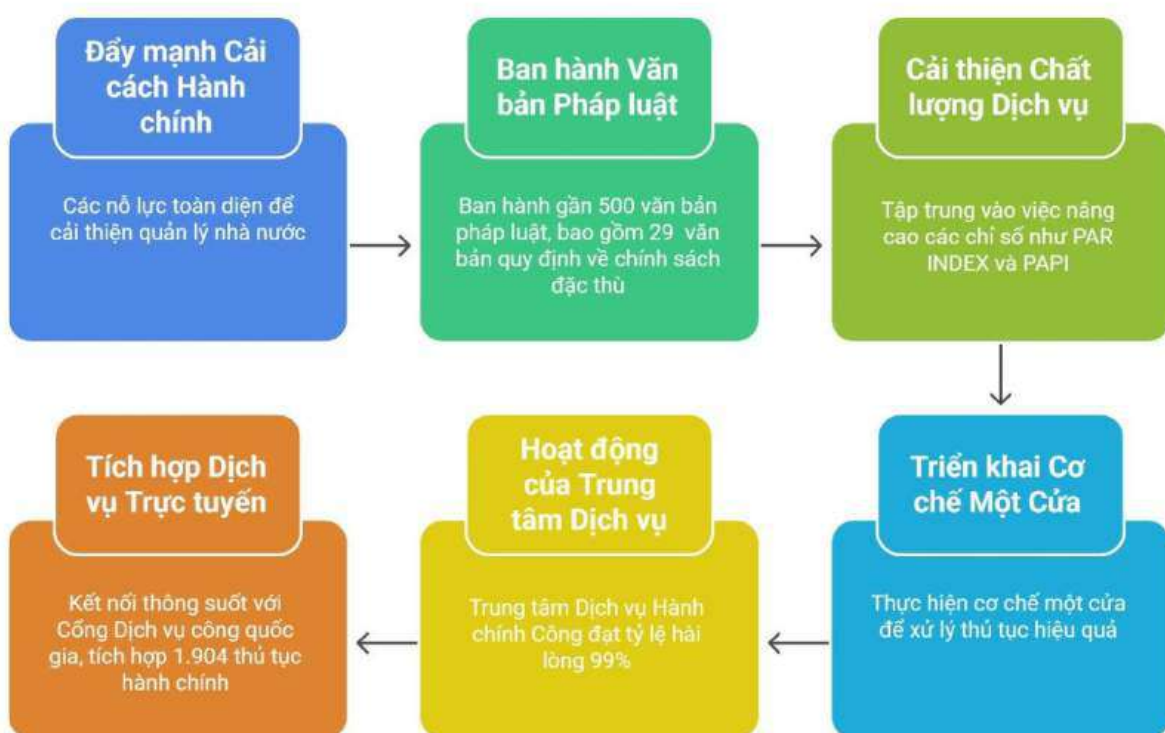
Công tác chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, toàn diện trên cả 05 trụ cột gồm: Chuyển đổi số trong cơ quan Đảng, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và cửa khẩu số. Các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được duy trì sử dụng hiệu quả; kinh tế số, xã hội số được quan tâm và đạt được những kết quả tích cực như: **100% doanh nghiệp khai báo hóa đơn điện tử; hơn 76% dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử...** Nền tảng cửa khẩu số được triển khai đầu tiên trên toàn quốc và hoạt động ổn định. Lạng Sơn đã nhận nhiều giải thưởng về chuyển đổi số như Viet Solutions 2022, "Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc", "Top Công nghiệp 4.0 Việt Nam 2024". **Lạng Sơn luôn nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số chuyển đổi số**

#### CHƯƠNG IV. ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và yêu cầu phát triển bền vững, Lạng Sơn đã chủ động triển khai mạnh mẽ các chương trình cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số và môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hiệu quả.

##### 1. Cải cách hành chính: Hướng đến phục vụ Nhân dân

###### Kết quả cải cách hành chính



Công tác cải cách hành chính đã được đẩy mạnh toàn diện, tạo chuyển biến tích cực trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Hệ thống cơ chế, chính sách pháp luật được ban hành đồng bộ, kịp thời và sát với thực tiễn, với quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được đổi mới, trong đó đã ban hành gần **500 văn bản** quy phạm pháp luật, bao gồm **29 văn bản** quy định về các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh. Chất lượng phục vụ hành chính được cải thiện rõ rệt thông qua việc tập trung triển khai các giải pháp cải thiện và nâng cao các chỉ số quan trọng như Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS). Công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện hiệu quả thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoạt động hiệu quả, với tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp **đạt trên 99%**. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, kết nối thông suốt với Cổng Dịch vụ công quốc gia, tích hợp và đồng bộ dữ liệu với **1.904 thủ tục hành chính**.

## 2. Môi trường đầu tư - kinh doanh: Năng động và hấp dẫn

### Dấu ấn môi trường đầu tư - kinh doanh



Tỉnh chú trọng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng **33 bậc** trong nhiệm kỳ. Số lượng doanh nghiệp của tỉnh ngày càng tăng, trong nhiệm kỳ đã thành lập mới **3.334 doanh nghiệp**, tổng vốn đăng ký **32.275 tỷ đồng** tăng 1.496 doanh nghiệp so với nhiệm kỳ trước; ước tính hết năm 2025 toàn tỉnh có khoảng **5.700 doanh nghiệp**, gấp 1,8 lần so với năm 2020. Thành lập mới



**281 hợp tác xã**, 01 liên hiệp hợp tác xã, toàn tỉnh có **566 hợp tác xã**, tăng 321 hợp tác xã so với năm 2020. Cấp giấy chứng nhận đầu tư/chủ trương đầu tư **73 dự án** với tổng số vốn đăng ký **25.731 tỷ đồng**. Dự ước năm 2025 kinh tế tư nhân đóng góp **khoảng 67%** vào GRDP, **tăng 3,52% so** với năm 2020.

## **CHƯƠNG V. QUỐC PHÒNG - AN NINH - ĐỐI NGOẠI BIÊN GIỚI VỮNG CHẮC**

Trong bối cảnh khu vực và quốc tế có nhiều biến động, Lạng Sơn luôn xác định giữ vững quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội và chủ quyền biên giới là nhiệm vụ trọng yếu. Các lực lượng vũ trang được xây dựng vững mạnh; thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được củng cố toàn diện.

### **1. Quốc phòng - An ninh được giữ vững ổn định, nâng cao sức mạnh tổng hợp**

#### **Thành tựu quân sự và quốc phòng**



Tỉnh đã thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng địa phương. Công tác tuyển quân đạt **100% chỉ tiêu** hằng năm. Đã xây dựng và hoàn thành **310** đường kiểm tra cột mốc, bảo vệ biên giới, với chiều dài **69.434m**. Lắp đặt **1.125 đèn năng lượng**, tổng chiều dài **63,4km** mô hình thấp sáng đường tuần tra biên giới. Có nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong hoạt động đối ngoại Nhân dân, đối ngoại quốc phòng, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

## 2. An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm

Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được triển khai quyết liệt. Điều tra phá án **1.847/2.149** vụ tội phạm hình sự đạt 85,95%. Phát hiện, bắt giữ **2.035 vụ, 3.273 đối tượng** vi phạm về ma túy; **2.366 vụ, 2.494 đối tượng** về buôn lậu, gian lận thương mại, hàng cấm, hàng giả, môi trường, an toàn thực phẩm. Đã hoàn thành cấp Căn cước công dân cho **100% công dân** đủ điều kiện, kích hoạt **545.645 tài khoản định danh điện tử**.

### Thành tựu An ninh trật tự



## 3. Công tác quản lý thị trường, đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại

Các lực lượng chức năng đã tiến hành kiểm tra, xử lý **23.528 vụ** vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền **592,7 tỷ đồng**.

## 4. Công tác tiếp công dân, thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo

Cơ quan hành chính các cấp đã tiếp **17.055 lượt** công dân; giải quyết **739/741 đơn** khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt **99,7%**. Đã triển khai thực hiện **1.429 cuộc thanh tra, kiểm tra**, kết thúc **1.398 cuộc**, chuyển hồ sơ **06 vụ việc** sang cơ quan điều tra để điều tra, làm rõ; khởi tố **04 vụ án/06 bị can**. Kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định xử lý thu hồi **47.077,86 triệu đồng**, thu hồi **126.262,2m<sup>2</sup>** đất, giảm trừ thanh, quyết toán, giảm trừ dự toán, trả lại cá nhân, các quỹ và xử lý khác số tiền là **7.961,32 triệu đồng**, đã thu hồi 40.942,69 đạt tỷ lệ 86,96%.

## 5. Công tác tư pháp và cải cách tư pháp

Công tác giải quyết, xét xử hằng năm luôn đạt từ **99% trở lên**, tỷ lệ án bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan luôn thấp hơn mức quy định của Tòa án nhân dân tối cao. Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp có chuyển biến tích cực, kiểm sát **100% các vụ án** ngay từ khi khởi tố.

## 6. Đối ngoại - Hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng và thực chất

Tỉnh duy trì tốt quan hệ hữu nghị, hợp tác với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc). Đã ký **62 bản ghi nhớ, thỏa thuận** hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực với các đối tác nước ngoài; cử **179 đoàn/1.623 công chức, viên chức** đi công tác nước ngoài.

## CHƯƠNG VI. XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO PHÁT TRIỂN

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn đã tập trung xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện, tạo nền tảng chính trị ổn định, vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

### 1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức



Công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục truyền thống cách mạng được triển khai thường xuyên, bài bản. Trong nhiệm kỳ, đã tổ chức **1.414 lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho 102.696 lượt người**; biên soạn, xuất bản, tái bản và phát hành **68 cuốn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống** (cấp tỉnh 6 cuốn, cấp huyện 12 cuốn, cấp xã 50 cuốn). Hoàn thành việc xác





định ngày 15/6 là Ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh; đề xuất Bộ Chính trị công nhận đồng chí Lương Văn Tri là lãnh đạo tiền bối, tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đồng thời, hoàn thành đề xuất 33 xã, thị trấn được công nhận là xã An toàn khu và 03 vùng An toàn khu theo Quyết định số 495/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, tăng cường đối thoại, dự báo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh được thực hiện chủ động, hiệu quả. Hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được đẩy mạnh, góp phần giữ vững ổn định chính trị, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

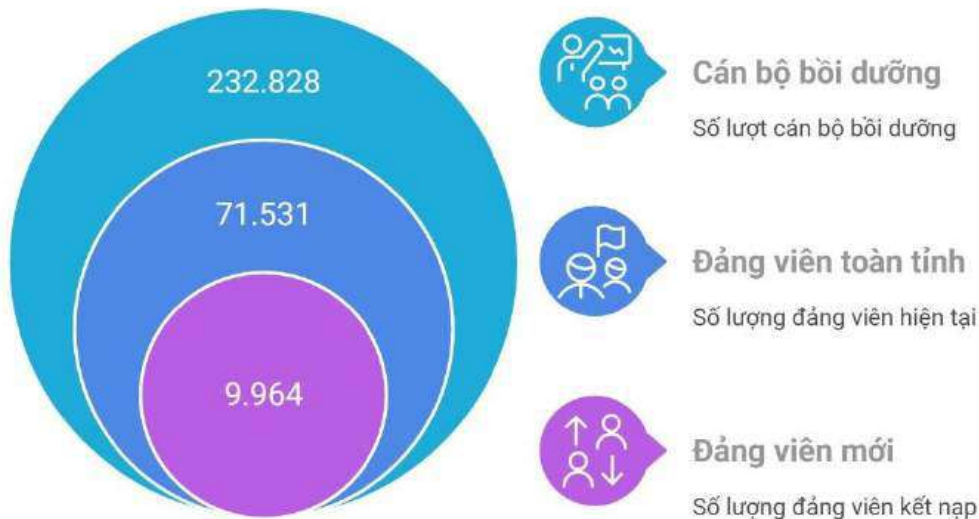
Việc xây dựng và thực hiện chuẩn mực đạo đức cách mạng được triển khai nghiêm túc, gắn với thực hiện Chỉ thị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trong nhiệm kỳ, có 07 tập thể, 14 cá nhân tiêu biểu được Thủ tướng Chính phủ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương tặng Bằng khen; 54 tập thể, 64 cá nhân được cấp tỉnh biểu dương, khen thưởng; cấp huyện và tương đương biểu dương 930 tập thể, cá nhân.

## 2. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Công tác đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả tích cực. Tỉnh đã thực hiện tinh gọn đầu mối cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập; khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Lũy kế từ năm 2020, đã hợp nhất Ban Tuyên giáo với Ban Dân vận thành Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy; kết thúc hoạt động của Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh, thành lập 2 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; kết thúc hoạt động 06 đảng đoàn và 03 ban cán sự đảng trực thuộc Tỉnh ủy; kết thúc hoạt động của 11 đảng bộ huyện, thành phố. Khối chính quyền giảm 05 sở, 01 tổ chức hành chính khác; 26 phòng chuyên môn và tương đương thuộc sở, 10 chi cục thuộc sở, 33 phòng chuyên môn và tương đương trực thuộc chi cục thuộc sở, 34 đơn vị sự nghiệp công lập; giảm 07 hội cấp tỉnh. Đã thực hiện sắp xếp giảm 59 thôn, tổ dân phố (từ 1.705 xuống 1.646); thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp, giảm mạnh số đơn vị hành chính cấp xã từ 200 xuống 65 xã, phường (giảm 66,5%).

### 3. Công tác cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ; củng cố xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

#### Công tác tổ chức, cán bộ



Đã điều động, luân chuyển, chỉ định, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử, miễn nhiệm, hiệp y đối với **401 lượt cán bộ** theo phân cấp quản lý. Toàn tỉnh đã cử **10.866 lượt cán bộ, công chức, viên chức** đi đào tạo trong nước; bồi dưỡng đối với **232.828 lượt cán bộ, công chức, viên chức**. Toàn Đảng bộ tỉnh có **69 đảng bộ trực thuộc** Tỉnh ủy (bao gồm: 65 đảng bộ cấp xã (61 xã, 4 phường), 2 đảng bộ cơ quan (các cơ quan Đảng tỉnh, UBND tỉnh), 2 đảng bộ lực lượng vũ trang (Quân sự, Công an tỉnh)); **1.215 tổ chức cơ sở đảng** (143 đảng bộ cơ sở, 1.072 chi bộ cơ sở); 18 đảng bộ bộ phận (chi bộ trực thuộc đảng bộ bộ phận 73); **1.646 chi bộ thôn, tổ dân phố** trực thuộc đảng ủy xã, phường; 697 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; tổng số **71.531 đảng viên, tăng 6.730 đảng viên** so với đầu nhiệm kỳ. Có **1.482/1.646 bí thư** chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, chiếm 90,04% (tăng 76,35% so với năm 2020). Bình quân tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm đạt 95,03%. Đã kết nạp được **9.964 đảng viên**, bình quân mỗi năm kết nạp được **2.166 đảng viên**, đạt 108% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

#### 4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng

Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra, giám sát đối với **7.712 tổ chức đảng** và **23.498 đảng viên**. Đã thi hành kỷ luật **31 tổ chức đảng** và **1.174 đảng viên**.

## 5. Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân



Toàn tỉnh hiện có **1.785 mô hình "Dân vận khéo"**. Đã thực hiện Lễ trao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với **9.087 lượt công dân**. Quỹ "Vì người nghèo" các cấp đã vận động được trên **43 tỷ đồng**, hỗ trợ xây mới và sửa chữa được **999 nhà Đại đoàn kết**. Đã vận động Nhân dân ủng hộ trên **500 tỷ đồng**; hiến trên **1.000.000 m<sup>2</sup> đất**, gần **800.000 ngày công lao động** để xây dựng nông thôn mới.

## 6. Công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Các cơ quan chức năng đã đấu tranh, phát hiện, điều tra, xử lý **86 vụ, 238 bị can** và 01 pháp nhân thương mại liên quan đến tham nhũng, tiêu cực.

## 7. Phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng

Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng Cờ cho **18 tập thể**, tặng bằng khen cho **94 tập thể, 225 đảng viên**; tặng Huy hiệu Đảng cho **7.354 đảng viên**. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho **11.990 tập thể, cá nhân** và đề nghị khen thưởng cấp nhà nước cho **337 tập thể, cá nhân**.

## 8. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và chính quyền các cấp

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã tổ chức **17 cuộc giám sát, khảo sát**, gửi **355 kiến nghị** đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Tổ chức **56 hội nghị** tiếp xúc cử tri định kỳ trước và sau các kỳ họp của Quốc hội, 10 hội nghị tiếp xúc cử tri theo chuyên đề; 01 hội nghị tiếp xúc cử tri tại nơi cư trú; 01 hội nghị tiếp xúc cử tri theo đối tượng; 01 hội nghị tiếp xúc cử tri tại nơi làm việc với **13.789 lượt cử tri tham dự với 778 lượt ý kiến, kiến nghị**.

Hội đồng nhân dân các cấp đã tổ chức được **35 kỳ họp**, ban hành **387 nghị quyết**. Tổ chức được **15 cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề, 43 cuộc**





**khảo sát, 27 cuộc giám sát** tại hơn 170 lượt cơ quan, đơn vị. Tổ chức **07 phiên họp giải trình và 03 phiên chất vấn**.

Ủy ban nhân dân các cấp đổi mới sáng tạo, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian, từng địa bàn, lĩnh vực; nhạy bén, linh hoạt trong việc xử lý các vấn đề bức xúc kéo dài hoặc mới phát sinh.

### **9. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

Đã chủ trì, giám sát **5.935 cuộc**, phối hợp tổ chức giám sát **3.941 cuộc**. Phối hợp tổ chức phản biện **389 dự thảo văn bản** của chính quyền cùng cấp; tổ chức trên **2.000 hội nghị tiếp xúc cử tri** và hội nghị đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân. Liên đoàn Lao động đã thành lập mới **42 công đoàn cơ sở**, kết nạp mới **9.305 đoàn viên**. Hội Nông dân có tổng số **112.653 hội viên**. Hội Liên hiệp Phụ nữ có **232 tổ chức Hội cơ sở**. Hội Cựu Chiến binh đã kết nạp được **4.580 hội viên**.

## **CHƯƠNG VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030**

Phát huy những thành tựu đạt được, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Lạng Sơn tiếp tục đề ra các định hướng chiến lược để phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tới, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 tỉnh Lạng Sơn trở thành một trong các cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tập trung đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh tế tư nhân; đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đô thị; tái cơ cấu nông, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển kinh tế cửa khẩu năng động, hiện đại; đẩy mạnh phát triển văn hóa, xã hội, phát triển du lịch xanh gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo đảm biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, tạo đà phát triển nhanh và bền vững, xây dựng tỉnh Lạng Sơn trở thành một trong các cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vào năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá vào năm 2035.

### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030**

#### **2.1. Chỉ tiêu kinh tế**

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đến năm 2030 đạt khoảng 111.100 tỷ đồng.



- (2) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm từ 10 - 11%.
- (3) Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn đến năm 2030: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản 12 - 13%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng 32 - 33%; khu vực Dịch vụ 50 - 51%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4 - 5%.
- (4) Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương khoảng 5.000 USD.
- (5) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 30%.
- (6) Thu nội địa tăng bình quân hằng năm từ 10% trở lên.
- (7) Tổng vốn đầu tư xã hội cả giai đoạn 2025 - 2030 khoảng 250 - 270 nghìn tỷ đồng.
- (8) Đến năm 2030, tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP khoảng 50 - 51%.
- (9) Lượng khách du lịch đến năm 2030 đạt khoảng 6.000.000 lượt người; Tổng thu từ khách du lịch đạt từ 10.000 tỷ đồng trở lên.
- (10) Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương tăng bình quân hằng năm 10 - 11%.

## **2.2. Chỉ tiêu xã hội**

- (11) Đến năm 2030 dân số đạt khoảng 854 - 856 nghìn người.
- (12) Đến năm 2030, tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 73,5 - 74 tuổi.
- (13) Đến năm 2030, Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,7 - 0,75.
- (14) Đến năm 2030, số lao động có việc làm đạt khoảng 339.000 người.
- (15) Đến năm 2030, tỷ trọng lao động có việc làm: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 36 - 37%; công nghiệp và xây dựng 24 - 25%; dịch vụ 38 - 39%.
- (16) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt từ 76% trở lên; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.
- (17) Đến năm 2030, tỷ lệ thất nghiệp khoảng 3 - 3,5%.
- (18) Đến năm 2030, năng suất lao động đạt trên 320 triệu đồng/người.
- (19) Đến năm 2030: Duy trì tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 100%; có 13,5 bác sĩ và 37 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 96%.
- (20) Đến năm 2030, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt trên 60%.
- (21) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) giảm 2%/năm.
- (22) Đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người 01 tháng đạt khoảng 5,4 triệu đồng.
- (23) Đến năm 2030, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 100%; tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn khoảng 80%.



(24) Đến năm 2030, tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 60%.

(25) Đến năm 2030, tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt trên 90% (theo phân loại đường đến hết năm 2024); tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 95%; toàn tỉnh có 3.000 căn nhà ở xã hội.

(26) Kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông hằng năm cả 3 tiêu chí  $\geq 5\%$ ; giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội hằng năm  $\geq 5\%$ .

### **2.3. Chỉ tiêu môi trường**

(27) Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 65%.

(28) Đến năm 2030, 100% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.

(29) Duy trì 100% tỷ lệ chất thải y tế được xử lý.

(30) Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, phân loại và xử lý đạt trên 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn được thu gom, phân loại và xử lý đạt khoảng 90%.

(31) Đến năm 2030 tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

### **2.4. Chỉ tiêu công tác xây dựng Đảng**

(32) Tỷ lệ đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt trên 90%.

(33) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt trên 90%.

(34) Kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt trên 2.000 đảng viên.

## **3. Nhiệm vụ trọng tâm**

(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tổ chức hoạt động có hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo mô hình mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, cán bộ cấp cơ sở. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, năng lực điều hành, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc.

(2) Nắm bắt thời cơ, chủ động huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, ưu tiên các dự án liên kết vùng, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại. Tập trung phát triển kết





cầu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, công nghiệp, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; thu hút xã hội hóa trên mọi lĩnh vực. Đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm gắn với sản phẩm chủ lực, thế mạnh, đặc sản của địa phương; tập trung phát triển kinh tế rừng; thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị.

(3) Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng đơn giản, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh; tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, đảm bảo sự đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án lớn có sức lan tỏa rộng; đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, thu hút các nguồn vốn FDI. Phát triển các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân là động lực tăng trưởng quan trọng nhất của nền kinh tế, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.

(4) Phấn đấu phát triển đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh và là một trong những trọng điểm du lịch của vùng trung du và miền núi phía Bắc. Ưu tiên xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn; khai thác hợp lý các giá trị địa chất, cảnh quan, văn hóa phục vụ phát triển du lịch bền vững. Đẩy mạnh liên kết vùng, thu hút đầu tư các dự án du lịch quy mô lớn, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch văn hóa và trải nghiệm di sản địa chất. Phát triển, từng bước hoàn thành đưa vào khai thác khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn; phát triển du lịch văn hóa, tâm linh.

(5) Phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp, nâng cao đạo đức xã hội, ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng con người Lạng Sơn phát triển toàn diện. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua phát triển giáo dục, đào tạo nghề cho người lao động và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nhất là các khu vực nông thôn, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân; phấn đấu thực hiện đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo.

(6) Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, chủ động thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

#### **4. Đột phá phát triển**

(1) Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, các đô thị, khu, cụm công nghiệp, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Phát triển các khu chức năng, các vùng sản xuất gắn kết với các đô thị. Tiếp tục tập



trung và huy động nguồn lực bằng nhiều hình thức để đầu tư, hoàn thành các tuyến đường cao tốc, xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng, các khu, vùng du lịch và với vùng đồng bằng sông Hồng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, trọng tâm là kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn. Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, xanh, an toàn, hiện đại; tập trung vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế, cơ hội phát triển như năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến, chế tạo; chế biến nông lâm sản theo công nghệ tiên tiến.

(2) Phát triển kinh tế cửa khẩu, xây dựng cửa khẩu thông minh, thương mại, dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tập trung nâng cấp các cửa khẩu; xây dựng kết cấu hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu; đẩy mạnh hợp tác song phương với chính quyền Quảng Tây để hình thành khu hợp tác kinh tế qua biên giới; xây dựng Lạng Sơn trở thành một trong những trung tâm logistics, trung tâm đầu mối hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ, du lịch và kinh tế cửa khẩu trọng điểm.

(3) Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để bảo đảm thực hiện thành công các mục tiêu xây dựng hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, nhân lực số. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và phát triển các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân.

## **5. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

(1) Tiếp tục cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý giữa các ngành lĩnh vực, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

(2) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; thực hiện giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

(3) Ưu tiên phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế xã hội.

(4) Tăng cường quốc phòng, an ninh, cải cách tư pháp, mở rộng đối ngoại; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

(5) Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ.

(6) Xây dựng chính quyền các cấp.

(7) Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc.



## CHƯƠNG VIII. KẾT LUẬN VÀ PHÁT ĐỘNG THI ĐUA

Giai đoạn 2020 - 2025 đã khép lại với nhiều thành tựu to lớn, toàn diện và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Những kết quả đó là minh chứng cho bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần đoàn kết và khát vọng vươn lên mạnh mẽ của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn.

Lạng Sơn đã thực sự chuyển mình, phát triển đồng đều trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Vị thế, uy tín của tỉnh không ngừng được nâng lên, tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Phát huy những thành tựu đạt được, bước vào nhiệm kỳ mới 2025 - 2030, toàn Đảng bộ, chính quyền, và Nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn quyết tâm:

- (1) Tăng cường đoàn kết, thống nhất, khơi dậy khát vọng phát triển tỉnh nhà nhanh và bền vững.
- (2) Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- (3) Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện đời sống Nhân dân.
- (4) Giữ vững quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia.
- (5) Thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh.

Mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang, doanh nghiệp và người dân hãy nêu cao tinh thần trách nhiệm, thi đua lao động sản xuất, học tập và công tác, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước với phương châm hành động:

***“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”***

Tỉnh Lạng Sơn quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị giai đoạn 2025 - 2030, Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đoàn kết; huy động mọi nguồn lực, hiện thực hóa khát vọng phát triển; xây dựng Lạng Sơn trở thành một cực tăng trưởng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.





## **TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

**CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN  
NGUYỄN QUỐC KHÁNH**

**Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo  
và Dân vận Tỉnh ủy**

**CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG  
NÔNG THỊ THANH TÂM**

**Trưởng Phòng Tuyên truyền, Báo chí - Xuất bản  
Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy**

**BIÊN TẬP**

**Phòng Tuyên truyền, Báo chí - Xuất bản  
Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy**

**TRÌNH BÀY BÌA  
Quốc Hoàn**

*In 5.000 cuốn, khổ 21 x 29,7 cm tại Công ty TNHH một thành viên thương mại và in Song Cường, số 45 đường Tổ Sơn, phường Lương Văn Trí, tỉnh Lạng Sơn.*

*Giấy phép Xuất bản số 52/GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 03/9/2025, in xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2025.*



SÁCH KHÔNG BÁN